

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình
hồ chứa nước Cánh Chim, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập; số 136/2025/N Đ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 03/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 685/BC-SNNMT ngày 15/12/2025 và Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã tại Tờ trình số 1107/TTr-BSM ngày 26/11/2025 về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Cánh Chim, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Cánh Chim, phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích: Cấm mốc chỉ giới để xác định phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Cánh Chim phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa nhằm chủ động trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

2. Phạm vi cấm mốc chỉ giới: Toàn bộ các hạng mục công trình đầu mối và vùng lòng hồ chứa nước Cánh Chim, thuộc địa phận các phường Bim Sơn, Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tổng số lượng cọc chỉ giới 21 cọc, trong đó: Phạm vi bảo vệ công trình đầu mối (toàn bộ đập bao gồm cả tràn xả lũ) là 04 cọc, phạm vi khu vực lòng hồ 17 cọc (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

4. Quy cách cọc chỉ giới: Thân cọc bằng bê tông cốt thép mác 200 đúc sẵn, kích thước mặt cắt ngang 15x15 cm, dài 90cm (phần nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên dài 50 cm, phần cắm vào đế cọc dài 40cm). Đế cọc bằng bê tông mác 200 đổ tại chỗ, kích thước mặt cắt ngang 40x40 cm, chiều sâu 40 cm, mặt trên đế cọc bằng mặt đất tự nhiên.

5. Thời gian thực hiện: 30 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định này.

6. Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã:

- Chủ trì, phối hợp với UBND các phường Bim Sơn, Quang Trung thực hiện công bố công khai phương án cắm cọc chỉ giới, tổ chức cắm cọc chỉ giới trên thực địa theo đúng phương án được phê duyệt.

- Có trách nhiệm trực tiếp quản lý, bảo vệ cọc chỉ giới và lưu trữ hồ sơ cắm cọc; hàng năm tổ chức kiểm tra, bảo trì, khôi phục các cọc bị mất hoặc sai lệch so với hồ sơ cắm cọc chỉ giới được phê duyệt.

- Bàn giao cọc chỉ giới cho UBND các phường nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép hoặc thực hiện các hoạt động khi chưa có giấy phép hoặc thực hiện không đúng nội dung của giấy phép được cấp thì phải kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có thay đổi so với phương án được phê duyệt, Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và chỉ được điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Phương án này; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
Chủ tịch UBND các phường: Bim Sơn, Quang Trung; Chủ tịch và Giám đốc
Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã và Thủ trưởng các đơn vị
có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy các phường: Bim Sơn, Quang Trung;
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC .

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**Phụ lục: Tổng hợp các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Cánh Chim,
phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã/phường)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00' múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
I	MỐC CHỈ GIỚI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI							
1	CTTL.21	Bim Sơn	2223889.440	592216.430		81.54	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ vai đập
2	CTTL.01	Bim Sơn	2223815.380	592219.980		37.90	Đất vườn đồi	Mốc bảo vệ hạ lưu đập
3	CTTL.02	Bim Sơn	2223794.600	592266.670		50.00	Đất vườn đồi	Mốc bảo vệ hạ lưu đập
4	CTTL.03	Bim Sơn	2223844.570	592317.070		71.00	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ vai đập
II	MỐC CHỈ GIỚI BẢO VỆ KHU VỰC LÒNG HỒ							
1	CTTL.04	Bim Sơn	2224096.755	592666.159	+37.25	471.00	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
2	CTTL.05	Bim Sơn	2223875.560	592787.910	+37.25	289.58	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
3	CTTL.06	Bim Sơn	2223848.841	593076.836	+37.25	391.55	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
4	CTTL.07	Bim Sơn	2224089.891	592939.882	+37.25	345.38	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ
5	CTTL.08	Bim Sơn	2224198.110	592737.550	+37.25	332.3	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ
6	CTTL.09	Quang Trung	2224388.340	592792.410	+37.25	202.63	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ
7	CTTL.10	Bim Sơn	2224279.640	592528.320	+37.25	425.79	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ
8	CTTL.11	Bim Sơn	2224042.803	592431.584	+37.25	286.17	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
9	CTTL.12	Bim Sơn	2224269.700	592388.680	+37.25	363.5	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ
10	CTTL.13	Quang Trung	2224548.240	592511.430	+37.25	482.38	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ
11	CTTL.14	Bim Sơn	2224392.63	592218.38	+37.25	455.07	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
12	CTTL.15	Bim Sơn	2224530.450	592061.003	+37.25	357.68	Đất đồi trồng dứa	Mốc bảo vệ lòng hồ

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã/phường)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiếu 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
13	CTTL.16	Bim Sơn	2224595.889	591771.914	+37.25	487.91	Đất đồi trồng dừa	Mốc bảo vệ lòng hồ
14	CTTL.17	Quang Trung	2224879.470	591827.150	+37.25	334.75	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
15	CTTL.18	Quang Trung	2224633.600	591696.510	+37.25	301.44	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
16	CTTL.19	Bim Sơn	2224261.600	591978.210	+37.25	495.55	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ
17	CTTL.20	Bim Sơn	2223991.590	592259.920	+37.25	463.38	Đất đồi trồng rừng	Mốc bảo vệ lòng hồ